**ĐỀ 1**

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)**

**Câu 1.** Việt Nam tiếp giáp với nước nào sau đây trên đất liền?

**A.** Trung Quốc. **B.** Thái Lan.

**C.** Mianma. **D.** Malaisia.

**Câu 2.** Vùng nội thủy của biển nước ta

**A.** kề với vùng tiếp giáp lãnh hải. **B.** nằm ở phía trong đường cơ sở.

**C.** là phần nằm ngầm ở dưới biển. **D.** nằm liền kề vùng biển quốc tế.

**Câu 3.** Nước ta nằm trong khu vực có gió mùa nên có

**A.** độ ẩm lớn, cân bằng ẩm âm quanh năm. **B.** chế độ nhiệt và mưa thay đổi theo mùa.

**C.** nhiều thiên tai của vùng biển nhiệt đới. **D.** cảnh quan của vùng ôn đới rất đa dạng.

**Câu 4.** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

**A.** nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam, lượng mưa lớn.

**B**. Tín phong hoạt động, biên độ nhiệt trong năm nhỏ.

**C.** khí hậu phân hóa theo mùa, thảm thực vật xanh tốt.

**D.** biển tác động sâu sắc, sông ngòi phần nhiều là nhỏ.

**Câu 5.** Ở nước ta quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng

**A.** núi cao. **B.** đồi núi thấp.

**C.** núi trung bình. **D.** đồng bằng ven biển.

**Câu 6.** Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ mưa chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**B.** gió mùa Tây Nam, gió Tín phong từ Bắc Ấn Dương đến, vị trí địa lí.

**C.** gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**D.** hoạt động của gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình.

**Câu 7.** Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

**A.** xích đạo và nhiệt đới. **B.** nhiệt đới và cận nhiệt đới.

**C.** cận nhiệt đới và xích đạo. **D.** cận xích đạo và ôn đới.

**Câu 8.** Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

**A**. tây - đông. **B**. tây bắc - đông nam. **C**. vòng cung. **D**. bắc -nam.

**Câu 9.** Điểm khác biệt về khí hậu của Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** mùa mưa ngắn hơn. **B.** mùa mưa sớm hơn. **C.** khí hậu cận xích đạo. **D.** nóng quanh năm.

**Câu 10.** Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là

**A.** nắng, nóng, trời nhiều mây. **B.** nắng, ít mây và mưa nhiều.

**C.** nắng, ổn định, tạnh ráo. **D.** nắng nóng và mưa nhiều.

**Câu 11.** Ở nước ta, thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

**A.** Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp. **B.** Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

**C.** Mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn hơn. **D.** Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

**Câu 12.** Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta?

**A.** độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.

**B.** tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

**C.** độ dốc địa hình theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

**D.** tác động của con người và sự biến đổi khí hậu.

**Câu 13.** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

**A.** làm ruộng bậc thang. **B.** đẩy mạnh thâm canh.

**C.** tiến hành tăng vụ. **D.** bón phân thích hợp.

**Câu 14.** Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

**A.** đào hốvẩy cá. **B.** đẩy mạnh thâm canh.

**C.** làm ruộng bậc thang. **D.** trồng cây theo băng.

**Câu 15.** Ngập úng ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa nào sau đây?

**A.** Hè thu. **B.** Chiêm xuân. **C.** Đông xuân. **D.** Mùa.

**Câu 16**. Vấn đề nào sau đây là trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước vào mục đích sản xuất ?

**A**. Phân bố lượng nước không đồng đều giữa các vùng.

**B**. Nước ngọt ở nhiều vùng bị nhiễm mặn, nhiễm phèn.

**C**. Phân bố lượng nước chênh lệch lớn giữa các mùa.

**D**. Môi trường nước ở cửa sông ngày càng bị ô nhiễm.

**Câu 17.** Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 18.** Thế mạnh nổi bật trong điều kiện cơ cấu dân số vàng của nước ta hiện nay là

**A**. lao động dồi dào, lực lượng trẻ. **B**. lao động đông, nguồn dự trữ lớn.

**C**. lao động đông, trình độ ở mức cao. **D**. lao động trẻ, trình độ ở mức cao.

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI**

**Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1. Cho thông tin sau:**

Gió mùa Đông Bắc là loại gió có nguồn gốc từ vùng khí áp Xi-bia (Siberia) di chuyển chủ yếu theo hướng Đông Bắc vào nước ta, hoạt động từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc. Nữa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nữa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm và có mưa phùn.

**a)** Gió mùa Đông Bắc có nguồn gốc từ vùng khí áp Xi-bia

**b)** Gió mùa Đông có hướng Đông Bắc

**c)** Nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh, khô là do khối khí này di chuyển qua biển và thổi vào nước ta.

**d)** Gió mùa Đông Bắc là một trong những nguyên nhân làm cho mùa khô ở miền Bắc không sâu sắc như ở miền Nam.

**→ Đáp án: a,b,d đúng; c : sai.**

**Câu 2.** **Cho thông tin sau:**

Trong cả nước đâu đâu cũng có hai mùa mưa và khô, tuy các mùa đó có dài ngắn khác nhau và có lệch pha với nhau ở chỗ này hoặc chỗ khác, cho nên sông ngòi mọi nơi đều có hai mùa lũ và cạn rất tương phản nhau. Nói chung, sông có lũ lớn vào mùa mưa và cạn vào mùa khô, nhưng do tính chất của khí hậu và thủy văn có những nét riêng, mà những tháng cực đại của hai thành phần tự nhiên đó không máy móc trùng khớp nhau, mà có sự lệch nhau nhất định tại những nơi nào đó.

**a)** Nhịp điệu dòng chảy sông ngòi nước ta theo sát nhịp điệu mùa của khí hậu.

**b)** Thời gian mùa lũ và mùa cạn có sự khác nhau giữa các hệ thống sông.

**c)** Khí hậu nước ta khá ôn hòa nên sông ngòi cũng có chế độ nước điều hòa.

**d)** Thời gian đỉnh lũ của các con sông trùng khớp với thời gian đỉnh mưa của khí hậu.

**→ Đáp án: a,b đúng; c,d : sai.**

**Câu 3.** **Cho bảng số liệu:**

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1999 - 2021

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **1999** | **2009** | **2019** | **2021** |
| 0 - 14 | 33,1 | 24,5 | 24,3 | 24,1 |
| 15 - 64 | 61,1 | 69,1 | 68,0 | 67,6 |
| > 65 | 5,8 | 6,4 | 7,7 | 8,3 |

*(Nguồn: Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, 2019, 2021)*

**a)** Tỉ lệ nhóm tuổi 0 - 14 tuổi tăng.

**b)** Tỉ lệ nhóm tuổi từ 65 trở lên tăng và chiếm tỉ lệ thấp nhất.

**c)** Để thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta, biểu đồ cột, miền, tròn là thích hợp.

**d)** Tỉ lệ nhóm tuổi từ 65 trở lên tăng do trình độ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao.

**→ Đáp án: b,c,d đúng; a : sai.**

**III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.**

**Câu 1.** Giả sử một tàu biển đang ngoài khơi, có vị trí cách đường cơ sở 26,5 hải lí, vậy con tàu đó cách đường cơ sở theo đường chim bay là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

**→ Đáp án: 49**

**Câu 2.** **Cho bảng số liệu:**

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI VINH (NGHỆ AN) NĂM 2022

*(Đơn vị: °C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ | 19,5 | 16,3 | 23,1 | 24,3 | 27,4 | 31,4 | 30,1 | 29,0 | 27,9 | 24,8 | 24,7 | 18,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, tính biên độ nhiệt độ năm tại Vinh năm 2022(0C) (làm tròn đến một số thập phân).

**→ Đáp án:**  **15,1**

**Câu 3.**Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Tính tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân của %)

**→ Đáp án: 31,3**

**Câu 4.** Dân số Việt Nam năm 2022 là 99 474,4 nghìn người, diện tích là 331 345,7 km2 *(Theo niên giám thống kê năm 2022)*. Vậy mật độ dân số năm 2022 của Việt Nam là bao nhiêu người/km2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km2)

**→ Đáp án:**  **300**